

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư
cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt thành lập Cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai tại Hội nghị thẩm định ngày 20/3/2021; nội dung Báo cáo ĐTM của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 102/CV ngày 10/5/2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 382/Tr-STNMT ngày 25/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Xuân Lai (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Lai,

huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư Cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân.
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuân Lai.
- + Người đại diện: Nguyễn Cao Lập;
- + Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- + Địa chỉ: Lô 8, khu công nghiệp Đình Hương – Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân với tổng diện tích 189.946,1 m².
- Quy mô: Xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: San nền; xây dựng nhà điều hành; trồng cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường; xây dựng hệ thống xử lý nước thải; đường giao thông; cấp điện, chiếu sáng; phòng cháy chữa cháy và các hạng mục công trình khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh là 4,6 m³/ngày (bao gồm: nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh); Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...
- Nước thải xây dựng chủ yếu phát sinh khoảng 52,6 m³/ngày, từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa xe. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng dự án: Thành phần chủ yếu: Bao bì xi măng (810,15 kg); vật liệu rơi vãi cát, đá (64,46 tấn); mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha các loại (5,49 tấn); đất đào không tận dụng đắp ($37.296,88 \text{ m}^3$),...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 72 kg/cả quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 634 lít trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của CCN khoảng $440,28 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; trong đó: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà đầu tư thứ cấp hoạt động tại CCN: $359,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ quản lý và bảo vệ ở lại CCN $4,48 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng $76,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động sản xuất của các nhà máy thành viên, các công trình xử lý chất thải... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh tại dự án khoảng $361,5 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các quy trình sản xuất khác nhau của các nhà máy có tính chất đa dạng, phụ thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng loại hình sản xuất cụ thể.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình sản xuất của các nhà sản xuất thành viên bao gồm, các loại chất thải dính dầu mỡ, chất thải chứa kim loại, chất thải từ các công đoạn sơn... có khối lượng ước tính bằng 10% tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung có khối lượng $482,107 \text{ m}^3/\text{năm}$.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn được thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm (thể tích $6,0 m^3$) được xây bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Được thu gom bằng nhà vệ sinh di động với số lượng: 05 nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa đi xử lý với tần suất 01 tuần/lần.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm có thể tích $7,0 m^3$ /hố (kích thước $3,5m \times 1m \times 2m$). Nước thải sau lắng được sử dụng lại để rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe xitec dung tích $5,0 m^3$ để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại các khu giáp với tuyến đường 506B, tuyến đường liên xã,... và tại bãi chứa nguyên vật liệu được tưới vào những hôm trời hanh, khô, nắng. Nước dùng để làm ẩm được lấy từ suối gần khu vực dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt được thu gom vào 02 thùng có thể tích 30 lít/thùng, 01 thùng nhựa Composite 120 lít đặt tại khu vực lán trại, hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng.

- Cát, đá rơi vãi được tận dụng làm vật liệu san lấp nền đường thi công. Đất đào bóc phong hóa được Công ty thu gom và vận chuyển đưa về bãi thải tại khoảng đất sâu, trùng giáp giữa tuyến đường 506B và Kênh Nam để xử lý.

- Các loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 04 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại lỏng, 01 thùng chuyên dụng 200 lít để thu gom chất thải nguy hại rắn. Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại để chờ đưa đi xử lý; lượng chất thải rắn nguy hại này được lưu trữ tạm tại khu vực riêng, theo mặt bằng khu lán trại (Khu vực này có mái che bằng tôn, nền cao tránh tác động do mưa, nắng..).

- Kết thúc quá trình thi công xây dựng, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Đối với Chủ dự án:**

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn được xả ra suối phía Đông Bắc khu vực dự án.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp được dẫn dòng về các hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 450 m³/ngày đêm với 03 mô đun, mỗi mô đun có công suất 150 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý nước thải là công nghệ hóa, lý kết hợp vi sinh, sơ đồ công nghệ:

Nước thải CCN → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể Trung gian → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể Anoxic → Bể Aerotank (2bể) → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Bể điều hòa → Môi trường tiếp nhận.

- Nước thải từ các hệ thống xử lý nước thải tập trung được dẫn về bể chứa nước thải của 03 mô đun xử lý. Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại khu vực bể chứa nước thải này trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi với các thông số quan trắc tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+ .

- Nước sau khi xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

- Quy định hàm lượng các chất ô nhiễm đối với nước thải đầu ra của các nhà đầu tư thành viên trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp. Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên phải xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu về hàm lượng các chất ô nhiễm trước khi vào hệ thống xử lý nước thải nước tập trung. Trường hợp cơ sở phát sinh nước thải vượt quá khả năng tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp, Chủ đầu tư yêu cầu nhà đầu tư thành viên xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng để đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

*** Đối với các Nhà đầu tư thành viên:**

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành trước khi vận hành; phải thực hiện đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Nước thải phải được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận đối với Ban quản lý khai thác hạ tầng kỹ thuật CCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của CCN để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ các nhà đầu tư thành viên trong CCN chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

*** Đối với Chủ dự án:**

- Đầu tư đồng bộ hệ thống đường giao thông trong CCN, đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Tuân thủ quy hoạch, phân khu chức năng cho từng nhóm ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong CCN để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

- Sử dụng ô tô tưới nước $5,0\text{m}^3$ phun tưới nước trên các tuyến đường giao thông trong CCN với tần suất 02 lần/ngày, những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất này phải được tăng lên 4-6 lần/ngày.

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các nhà máy thành viên theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các nhà máy thành viên, khu dịch vụ:
 - + Căn cứ quy mô hoạt động, lập hồ sơ, thủ tục về môi trường đối với dự án của mình; trong đó phải nêu rõ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong giai đoạn chuẩn bị; thi công và vận hành;
 - + Trong quá trình hoạt động không tập trung rác thải sinh hoạt ra đường, vỉa hè trước giờ đổ rác, thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh khu vực khuôn viên; thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không phóng uế bừa bãi ra khu vực xung quanh;
 - + Các thiết bị vận chuyển như xe tải, xe chở công ten nơ phải chở đúng trọng tải quy định, phủ bạt khi vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm rời có nguy cơ phát tán bụi, bảo dưỡng, bảo trì theo đúng quy định để đảm bảo xe hoạt động tốt, lượng khí thải của xe phải theo đúng quy định của Cục đường bộ Việt Nam.

*** Đối với các Nhà đầu tư thành viên:**

- Lập hồ sơ môi trường cho các dự án thứ cấp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi khởi công xây dựng công trình. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.
- Khi xây dựng nhà xưởng phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tải trọng xe theo quy định.
- Bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường để thực hiện các nội dung về trách nhiệm bảo vệ môi trường.
- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt có nắp đậy, thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, nước mưa.
- Không tập trung rác thải sinh hoạt ra đường, vỉa hè trước giờ đổ rác. Rác thải phải được thu gom triệt để hàng ngày và khi phát sinh mùi phải được phun chế phẩm vi sinh để giảm thiểu mùi hôi.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với Chủ dự án:

- + Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp;
- + Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh do sinh hoạt của Ban quản lý CCN;
- + Kiểm tra việc thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong CCN;
- + Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung của CCN, Ban quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật hợp đồng với Công ty có chức năng để nạo hút với tần suất 06 tháng/lần.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

+ Phân loại, thu gom các loại chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng bán cho các cơ sở thu mua tái chế, chất thải rắn sản xuất thu gom vào các thùng chứa đặt tại kho lưu giữ trong nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. Chất thải rắn sinh hoạt (dễ phân hủy, không thể tái chế) đặt các thùng chứa có nắp đậy tại các khu vực phát sinh chất thải, khu vực nhà ăn để thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

+ Tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2020 của Chính phủ.

3.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Đối với Chủ dự án:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong CCN; Giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong CCN.

+ Kiểm tra việc xử lý tuân thủ thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong CCN.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

+ Kê khai và đăng ký chủ nguồn thải nguy hại với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

+ Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại đặt tại nơi thích hợp trong nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý, theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

*** Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung và nhiệt độ gồm:**

- Đối với Chủ dự án:

Yêu cầu các nhà máy thành viên đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, có chỉ số kinh tế - kỹ thuật và định mức tiêu hao nhiên liệu tiên tiến, hạn chế tiếng ồn và độ rung; trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao, nhất là khi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại khu vực sản xuất.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân: Quần áo,

kính mắt, khẩu trang, nút tai chống ồn. Lắp đặt quạt thông gió tại các khu vực nhà xưởng.

+ Đầu tư lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát tại nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy thành viên.

+ Trồng cây xanh theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất lượng khí thải giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), tiếng ồn; Bụi, SO₂, CO, NO₂.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại cổng ra vào dự án;

+ 01 mẫu tại trung tâm thi công dự án.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, hàm lượng As.

- Vị trí giám sát: NT - mẫu nước thải sau hồ lắng rửa xe tại khu vực lán trại.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát chất lượng nước thải giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi và khí thải (SO₂, NO₂, CO), Bezen, Toluene, HCl, H₂SO₄, Cd.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- *Vị trí giám sát:* 4 vị trí.
- + KK1: Lấy một điểm tại vị trí đất Công nghiệp may mặc, da giày.
- + KK2: Lấy một điểm tại vị trí đất chế biến nông sản, chế biến thực phẩm, nước giải khát
- + KK3: Lấy một điểm tại vị trí đất chế biến vật liệu xây dựng, sản xuất kim loại, linh kiện, phụ kiện kim loại.
- + KK4: Lấy một điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ;
- + QCVN 02:2019/BYT về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- + QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + QCVN 27:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

4.2.2. Giám sát chất lượng nước thải:

a. Giám sát tự động, liên tục:

- Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng đầu vào đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+ .

- Vị trí giám sát:

+ Vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Giám sát định kỳ:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD5, COD, dầu mỡ khoáng, NH_4^+ theo N, hàm lượng As, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 2 vị trí

+ NT2: Mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ NT1: Mẫu nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý ra ngoài môi trường;

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.